

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày 18-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi là A); địa chỉ trụ sở: Số 442 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi T L; nơi cư trú: Xã KK, huyện T, thành phố Hải Phòng và bà Lương Thị N H; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/12/2019); có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm T T; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 3/5/278 đường Đ, phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ T N; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 3/5/278 đường Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện Toà án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng ngày 11/12/2019, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn A trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Phạm T T có ký Hợp đồng tín dụng số 01110615/UIIL ngày 11/6/2015, theo đó A cho ông Phạm T T vay số tiền 100.000.000 đồng; phương thức giải ngân là chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 164374009 của ông Phạm T T tại A; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay từ ngày 11/6/2015 đến ngày 11/6/2020; phương thức cho vay là cho vay từng lần; mục đích cho vay UIL - Tiêu dùng tín chấp - Hỗ trợ tiêu dùng - Mua sắm vật dụng sinh hoạt tiêu dùng gia đình khách hàng; lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Khoản nợ được bảo lãnh của bà Vũ T N theo giấy cam kết trả nợ lập ngày 11/6/2015. Theo bên cam kết bà Vũ T N đồng ý nội dung cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng ông Phạm T T theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với A. Bà Vũ T N trả thay cho ông Phạm T T của các khoản vay với A khi ông Phạm T T không thực hiện được hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm T T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nên ngày 08/5/2017, A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng trả góp. Tính đến ngày 03/10/2019 ông Phạm T T còn nợ A các khoản sau:

- + Nợ gốc: 75.329.000 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 9.380.222 đồng
- + Lãi quá hạn: 26.661.110 đồng
- + Phạt chậm trả: 2.200.000 đồng
- Tổng cộng là: 113.570.332 đồng.

Và yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền nợ gốc chưa được thanh toán kể từ sau ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản nợ trên. Nếu bị đơn ông Phạm T T không trả được các khoản nợ gốc, nợ lãi thì vợ ông Phạm T T là bà Vũ T N có nghĩa vụ trả nợ thay theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Phạm T T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ T N vắng mặt. Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa đại diện phía A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Phạm T T phải trả cho A tổng số tiền là 119.499.585 đồng trong đó nợ gốc: 75.329.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9.380.222 đồng; nợ lãi quá hạn là 34.790.364 đồng và xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả: 2.200.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; các điều 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 18/6/2020 tổng số tiền là 119.499.585 đồng trong đó nợ gốc: 75.329.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9.380.222 đồng; nợ lãi quá hạn là 34.790.364 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tiền phạt chậm trả: 2.200.000 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nói trên kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01110615/UIIL ngày 11/6/2015. Trường hợp anh Phạm T T không trả được nợ thì chị Vũ T N có trách nhiệm trả nợ thay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về dân sự giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và cá nhân là ông Phạm T T không có mục đích lợi nhuận (tranh chấp về hợp đồng tín dụng) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu khởi kiện của A:

[2] Hợp đồng tín dụng trả góp số 01110615/UIIL ngày 11/6/2015 phù hợp với quy định tại các điều 121, điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005, vì vậy Hợp đồng là hợp pháp và làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, thực hiện việc giải ngân theo đúng thời điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong các điều khoản của hợp đồng. Nay A yêu cầu anh Phạm T T phải thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng trả góp số 01110615/UIIL ngày 11/6/2015 đã ký kết tính đến ngày xét xử 18/6/2020 tổng số tiền là 119.499.585 đồng trong đó nợ gốc: 75.329.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9.380.222 đồng; nợ lãi quá hạn là 34.790.364 đồng và A xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả: 2.200.000 đồng. Bị đơn anh Phạm T T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ T N trong quá trình giải quyết đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A buộc anh Phạm T T phải có nghĩa vụ trả cho A số tiền tính đến ngày xét xử 18/6/2020 tổng số tiền là 119.499.585 đồng trong đó nợ gốc: 75.329.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9.380.222 đồng; nợ lãi quá hạn là 34.790.364 đồng. Hội đồng xét xử xét việc rút yêu cầu về tiền phạt chậm trả là phù hợp với pháp luật. Nếu anh Phạm T T không trả được nợ thì chị Vũ T N phải có trách nhiệm trả nợ thay.

[3] Tại phiên tòa phía nguyên đơn A xin rút yêu cầu phạt hợp đồng số tiền là 2.200.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của A phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phạt hợp đồng đối với số tiền là 2.200.000 đồng.

- Về án phí:

[4] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006234 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[5] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: $119.499.585 \text{ đồng} \times 5\% = 5.975.000 \text{ đồng}$

Về quyền kháng cáo bản án:

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, khoản 1 Điều 315; các điều 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

1. Bị đơn anh Phạm T T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng trả góp số 01110615/UII ngày 11/6/2015, tính đến ngày 18/6/2020 tổng số tiền là 119.499.585 (một trăm mười chín triệu, bốn trăm chín chín nghìn, năm trăm tám trăm năm mươi lăm đồng) trong đó nợ gốc: 75.329.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 9.380.222 đồng; nợ lãi quá hạn là 34.790.364 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu phạt hợp đồng đối với số tiền 2.200.000 đồng

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên bản án sơ thẩm, bị đơn ông Phạm T T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Phạm T T không thực hiện việc trả các khoản nợ của A thì bà Vũ T N phải trả nợ thay.

3. Về án phí:

Ông Phạm T T phải chịu 5.975.000 (năm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006234 ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn ông Phạm T T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ T N được quyền kháng cáo phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang